

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/LĐ-ST

Ngày: 29-9-2020

V/v tranh chấp hợp đồng lao
động, bồi thường thiệt hại do bị
đơn phương chấm dứt hợp đồng
lao động

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC - TỈNH L**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Miên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Anh Thư – Chủ tịch Liên đoàn lao động huyện B
2. Ông Đào Bá Lộc – Nguyên Phó Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện B.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh L mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 13/2019/TLST-LĐ ngày 10/12/2019 về việc “tranh chấp hợp đồng lao động”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST-LĐ ngày 24 tháng 8 năm 2020, quyết định hoãn phiên tòa số 02/QĐST-LĐ ngày 10/9/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1956;

Địa chỉ: ấp M1, xã M2, thành phố M3, tỉnh T.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền cho ông M: Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1961 (theo giấy ủy quyền ngày 04/9/2019, có mặt). Địa chỉ: Ấp 8, xã L, huyện B, tỉnh L.

- Bị đơn: Công ty TNHH Dịch vụ - Bảo vệ Thiết bị PCCC TC; (vắng mặt).

Địa chỉ: số 38 ấp 5, xã Ph, huyện B, tỉnh L.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh L, Chức vụ: Giám đốc.

HKTT: ấp X, xã T, huyện C, tỉnh L.

Địa chỉ hiện nay: ấp X, xã T, huyện C, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/9/2019, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Ngọc M do ông Nguyễn Thành T trình bày:

Ngày 25/01/2019 ông M được công ty TNHH DV-BV và Thiết bị PCCC TC (gọi tắt là công ty TC) nhận vào làm bảo vệ và điều ông đến bảo vệ cho Phòng khám Đa Khoa D. Trong quá trình làm việc Công ty không ký hợp đồng lao động với ông M mà chỉ yêu cầu ông M nộp sơ yếu lý lịch và đóng thế chân 2.200.000 đồng để được phát thẻ và đồng phục. Mức lương thỏa thuận là 4.500.000 đồng/tháng, làm việc 30 đến 31 ngày/tháng, không có ngày nghỉ hàng tuần, nghỉ lễ tết, không được hưởng tiền tăng ca thêm giờ và không được hưởng bảo hiểm xã hội thời gian làm việc 12 tiếng/ngày, ca ngày từ 6 giờ sáng đến 18 giờ chiều, ca đêm từ 18 giờ chiều hôm trước đến 6 giờ sáng ngày hôm sau, luân phiên làm 1 tuần ngày, 1 tuần đêm.

Ngày 31/5/2019 Công ty cho ông M thôi việc và đưa ra lý do Phòng khám đa khoa D không ký hợp đồng với Công ty nữa. Tuy nhiên, công ty còn nợ lương tháng 5/2019 là 4.500.000 đồng và tiền thế chân 2.200.000 đồng, đồng thời không bồi thường quyền lợi hợp đồng cho ông.

Nay ông M yêu cầu Công ty TC phải chi trả các khoản sau:

(1)- 04 Tháng lương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật: 4 tháng x 4.500.000 đồng = 18.000.000 đồng;

(2)- 30 ngày lương vi phạm thời gian thông báo trước: 5.192.307 đồng;

(3)- Truy thu tiền lương ngày nghỉ hàng tuần: 4.500.000 đồng : 26 x 18 tuần = 3.115.384 đồng.

(4)- Truy thu tiền giờ làm thêm ban đêm 30% tính từ 22h đến 02 giờ sáng hôm sau: 4.500.000 đồng : 26 : 8 x 30% x 4 x 15 đêm/tháng x 4 tháng 3 đêm = 1.635.506 đồng.

(5)- Truy thu tiền lễ, tết 8 ngày 4.500.000 đồng : 26 x 8 x 300% = 4.153.824 đồng.

(6)- Truy thu tiền tăng ca giờ làm thêm ban đêm từ 2 giờ sáng đến 6 giờ sáng 4.500.000 đồng : 26 : 8 x 200% x 4 x 15 đêm/tháng x 4 tháng 13 ngày = 10.903.845 đồng.

(7)- Truy thu tiền làm tăng ca giờ làm ban ngày: 4.500.000 đồng : 26 : 8 x 1,5 x 4 x 15 ngày/tháng x 4 tháng 3 ngày = 2.725.804 đồng.

(8)- 07 tháng lương những ngày không được làm việc, tạm tính từ tháng 6/2019 đến tháng 12/2019 là 4.500.000 đồng x 7 tháng = 31.500.000 đồng.

(9)- Truy thu tiền bảo hiểm xã hội từ tháng 01/2019 đến tháng 12/2019: 11 tháng + 4 tháng BHXH đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật là 15 tháng: $4.500.000 \text{ đồng} \times 22\% \times 15 \text{ tháng} = 14.850.000 \text{ đồng}$.

(10)- Truy thu tiền phép năm 4 ngày từ tháng 2 đến tháng 5/2019: $4.500.000 \text{ đồng} : 26 \times 4 = 692.304 \text{ đồng}$.

(11)- Tiền lương tháng 5/2019 là $4.500.000 \text{ đồng} + \text{tiền thê chân } 2.200.000 \text{ đồng} = 6.700.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng tất cả các khoản trên là 99.468.974 đồng.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Thành T rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Công ty bồi thường 7 tháng tiền lương những ngày không được làm việc và tiền phép năm 4 ngày theo yêu cầu tại mục (8) và mục (10), vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện khác.

Bị đơn Công ty TNHH Dịch vụ - Bảo vệ và Thiết bị PCCC TC CLC đã được Tòa án tổng đạt đơn khởi kiện và tài liệu kèm theo đơn khởi kiện, thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến cũng như ý kiến phản đối hay yêu cầu phản tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh L phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo pháp luật tố tụng và các đương sự trong vụ án đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa, ông T đại diện theo ủy quyền của ông M xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với 07 tháng tiền lương những ngày không được làm việc và truy thu tiền phép năm 04 ngày là hoàn toàn tự nguyện, do đó cần đình chỉ đối với một phần yêu cầu khởi kiện này.

Giữa ông M với Công ty không ký hợp đồng lao động nhưng ông M cung cấp được bản tên do Công ty TC cấp, Phòng khám đa khoa D cũng xác nhận ông Nguyễn Ngọc M làm việc tại phòng khám từ ngày 25/01/2019 với mức lương là 4.500.000đ/tháng. Trong quá trình giải quyết vụ án công ty đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản đối nên có cơ sở xác định giữa ông M và Công ty có thỏa thuận hợp đồng lao động bằng lời nói. Lương thỏa thuận là 4.500.000 đồng/tháng không bao gồm các quyền lợi làm thêm giờ, ngày nghỉ lễ, tết và không được hưởng bảo hiểm xã hội. Do Công ty không chứng minh được đã thanh toán tiền lương cho ông M nên phải có trách nhiệm trả lương tháng 5/2019 cho ông M là 4.500.000 đồng.

Về tiền thế chân: Ông M yêu cầu Công ty hoàn trả tiền thế chân 2.200.000 đồng nhưng không cung cấp biên nhận. Tuy nhiên, Tại biên bản làm việc ngày 06/8/2020 đoàn giải quyết lao động giải quyết khiếu nại lao động giữa Công ty do ông Nguyễn Thanh L – Giám đốc công ty làm đại diện với người lao động là ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn Tr không có mặt ông Nguyễn Ngọc M. Trong biên bản thể hiện thông qua đơn cứu xét hỗ trợ giải quyết và đơn tố cáo của ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn Tr, ông Nguyễn Ngọc M và lời trình bày của ông H, ông Tr thì phía công ty đồng ý trả tiền lương và tiền thế chân cho người lao động. Tuy nhiên trong biên bản chỉ thể hiện người lao động thế chân số tiền 2.100.000đ chứ không phải 2.200.000đ như ông M trình bày. Nên chỉ có cơ sở chấp nhận số tiền ông M thế chân tại Công ty là 2.100.000 đồng, hiện nay Công ty và ông M đã chấm dứt hợp đồng thì Công ty phải có trách nhiệm trả lại số tiền này cho ông M.

Đối với các yêu cầu khác: Giữa ông M và Công ty không có ký kết hợp đồng lao động. Theo thỏa thuận giữa ông M và Công ty thì mức lương Công ty là trả cho ông M là 4.500.000đ/tháng. Thời gian làm việc là 12 giờ/ngày, từ 06 giờ sáng tới 06 giờ chiều hoặc từ 06 giờ chiều tới 06 sáng, 01 tuần làm ngày, 01 tuần làm đêm, làm việc 30-31 ngày/tháng, làm luôn cả ngày nghỉ hàng tuần, ngày nghỉ, lễ, tết. Không được hưởng ngày nghỉ hàng tuần, tiền lễ, tết, không được hưởng tăng ca làm thêm giờ, không được hưởng quyền lợi BHXH. Đây là sự thỏa thuận thống nhất giữa hai bên nên không có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông M về chi trả tiền nghỉ hàng tuần, tiền lễ tết, tiền tăng ca thêm giờ, ban đêm, ban ngày, tiền BHXH.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1.1] Ông M khởi kiện yêu cầu Công ty TC bồi thường liên quan đến việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, yêu cầu thanh toán tiền lương và các quyền lợi khác theo hợp đồng lao động. Căn cứ Khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp về hợp đồng lao động và đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật”. Bị đơn Công ty TC có trụ sở chính tại huyện B, tỉnh L. Căn cứ Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 31/5/2019 ông M bị công ty chấm dứt hợp đồng, ngày 06/8/2019 Phòng lao động thương binh và xã hội hòa giải khiếu

nại tranh chấp lao động, ngày 05/9/2019 ông M khởi kiện đến Tòa án là còn thời hiệu theo quy định tại khoản 2 Điều 202 của Bộ luật Lao động.

[1.3] Về việc vắng mặt bị đơn: Tòa án đã tiến hành tổng đạt theo thủ tục tố tụng dân sự năm 2015 tại địa chỉ trụ sở chính và địa chỉ cư trú của ông Nguyễn Thanh L – Người đại diện hợp pháp theo pháp luật của công ty nhưng bị đơn vẫn không có mặt, không có văn bản trình bày ý kiến. Do đó, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn.

[1.4] Tại phiên tòa, ông Nguyễn Thành T là người đại diện theo ủy quyền của ông M yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc: yêu cầu Công ty bồi thường 7 tháng tiền lương những ngày không được làm việc và tiền phép năm. Việc ông T đại diện theo ủy quyền của ông M rút đơn thuộc phạm vi ủy quyền và hoàn toàn tự nguyện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc M đối với các yêu cầu này.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét hình thức, nội dung hợp đồng lao động: Giữa Công ty TC với ông Nguyễn Ngọc M không ký kết hợp đồng lao động, chỉ thỏa thuận miệng và nộp tiền thế chân và được cấp thẻ bảo vệ và đồng phục. Theo thỏa thuận thì ông M được nhận vào làm công việc Bảo vệ tại Phòng khám đa khoa D, lương thỏa thuận là 4.500.000 đồng/tháng, làm việc 30 đến 31 ngày/tháng, không có ngày nghỉ hàng tuần, nghỉ lễ tết, không được hưởng tiền tăng ca thêm giờ và không được hưởng bảo hiểm xã hội thời gian làm việc 12 tiếng/ngày, ca ngày từ 6 giờ sáng đến 18 giờ chiều, ca đêm từ 18 giờ chiều hôm trước đến 6 giờ sáng ngày hôm sau, luân phiên làm 1 tuần ngày, 1 tuần đêm. Ông T thừa nhận khi giao kết hợp đồng hai bên đều tự nguyện, không bị ai ép buộc, không thỏa thuận về thời hạn hợp đồng, chỉ thỏa thuận mức lương, giờ giấc và địa điểm làm việc ngoài ra không được hưởng bất kỳ quyền lợi nào khác, làm tháng nào nhận tiền tháng đó, ông cũng không biết thỏa thuận giữa Công ty TC và Phòng khám đa khoa D trong thời gian bao lâu. Phòng Khám đa khoa D để thất lạc hợp đồng giữa Công ty TC với phòng khám, bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến phản đối. Do đó, có cơ sở xác định giữa Công ty TC và ông M có giao kết hợp đồng bằng lời nói theo từng tháng. Nội dung thỏa thuận hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên thỏa thuận này là căn cứ để xác định quyền, nghĩa vụ các bên.

[2.2] Về yêu cầu đòi thanh toán tiền lương tháng 5/2019 là 4.500.000 đồng: Theo lời trình bày của ông M và Phòng khám đa khoa D thì ông M làm việc tại phòng khám D đến hết ngày 31/5/2019 thì công ty TC chấm dứt hợp đồng nhưng chưa được trả lương tháng 5/2019. Theo thỏa thuận người lao động làm tháng nào được hưởng lương tháng đó nhưng công ty không có văn bản trình bày ý kiến hay phản đối nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của ông M.

[2.3] Về yêu cầu trả tiền thế chân 2.200.000 đồng: theo ông M trình bày khi nhận công việc phải thế chân 2.200.000 đồng để nhận thẻ và đồng phục. Tại biên bản thể hiện thông qua đơn cứu xét hỗ trợ giải quyết và đơn tố cáo của ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn Tr, ông Nguyễn Ngọc M và lời trình bày của ông H, ông Tr thì phía công ty đồng ý trả tiền lương và tiền thế chân cho người lao động. Tuy nhiên trong biên bản chỉ thể hiện người lao động thế chân số tiền 2.100.000đ chứ không phải 2.200.000đ như ông M trình bày. Ông M không có chứng từ chứng minh ông đã đóng tiền thế chân là 2.200.000 đồng. Do đó, chỉ có cơ sở xác định ông nộp thế chân là 2.100.000 đồng. Khi nộp tiền thế chân ông M được nhận đồng phục và bảng tên, hai bên không thỏa thuận hậu quả giải quyết số tiền thế chân này. Bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn. Hiện nay ông M đã nghỉ việc tại Công ty nên Công ty phải có trách nhiệm trả lại số tiền này cho ông M.

[2.4] Bệnh viện D trình bày ông M làm mất xe của bệnh viện nhưng bị đơn không có ý kiến gì trong vụ án này. Nếu có căn cứ xác định có sự việc mất xe hoặc thanh toán tiền đồng phục hay các vấn đề khác thì công ty có thể khởi kiện bằng vụ án khác.

[2.5] Đối với yêu cầu truy thu tiền làm thêm ban ngày, ban đêm, truy thu tiền lương ngày nghỉ hàng tuần, ngày nghỉ lễ tết, nghỉ phép năm... Xét thấy, theo đoạn [2.1] đã nhận định ở trên giữa ông M và công ty TC chỉ thỏa thuận hợp đồng lao động bằng lời nói, thỏa thuận mức lương 4.500.000 đồng/tháng trọn gói cho công việc mỗi tháng 30-31 ngày, mỗi ngày 12 tiếng luân phiên 1 tuần ngày 1 tuần đêm, không có ngày nghỉ hàng tuần, nghỉ lễ tết, không được hưởng quyền lợi bảo hiểm xã hội. Việc hai bên giao kết hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, thời điểm giao kết hợp đồng ông M chấp nhận theo thỏa thuận về mức lương, thời gian làm việc và quyền lợi trong hợp đồng. Trong thời gian làm việc từ tháng 1/2019 đến tháng 4/2019 ông M đều nhận lương mỗi tháng 4.500.000 đồng và không có ý kiến phản đối gì. Do đó, các yêu cầu này của ông không được chấp nhận.

[2.6] Đối với yêu cầu bồi thường 30 ngày vi phạm thời gian báo trước, bồi thường 4 tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động. Xét thấy, như đã nhận định ở đoạn [2.1] thì Hợp đồng lao động giữa Công ty và ông M là Hợp đồng thỏa thuận hàng tháng, làm tháng nào nhận lương tháng đó nên không ràng buộc trách nhiệm khi chấm dứt hợp đồng phải báo trước. Do đó, việc công ty chấm dứt hợp đồng với ông M thuộc trường hợp hết hạn hợp đồng lao động theo quy định tại Điều 36 Bộ luật lao động. Từ ngày 31/5/2019 đến nay Phòng khám đa khoa D đã nhận ông làm việc với mức lương thỏa thuận giữa ông với công ty TC tới nay nên ông không bị thiệt hại. Do đó, không có cơ sở chấp nhận các yêu cầu này của ông.

[2.7] Từ các cơ sở trên có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông M về việc yêu cầu Công ty TC thanh toán tiền thế chân 2.100.000 đồng và tiền lương tháng 5/2019 là 4.500.000 đồng. Không chấp nhận các yêu cầu khác của ông M.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc M được miễn án phí lao động sơ thẩm; Công ty TC phải chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Phát biểu của Kiểm sát viên là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm c Khoản 1 Điều 217, Khoản 2 Điều 244, Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 15, 16, 17, 36, 90, 94, 95, 96, 201, 202 của Bộ luật Lao động 2012;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc M về việc: Yêu cầu yêu cầu Công ty TC bồi thường 7 tháng tiền lương những ngày không được làm việc và tiền phép năm.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc M về việc yêu cầu Công ty TNHH Dịch vụ - Bảo vệ Thiết bị PCCC TC thanh toán tiền lương và tiền thế chân. Buộc Công ty TNHH Dịch vụ - Bảo vệ Thiết bị PCCC TC có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Ngọc M 6.600.000 đồng (Sáu triệu sáu trăm ngàn đồng), bao gồm: 4.500.000 đồng lương tháng 5/2019 và 2.100.000 đồng tiền thế chân.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Ngọc M về yêu cầu bồi thường đơn phương chấm dứt hợp đồng, 30 ngày lương vi phạm thời gian thông báo trước, truy thu tiền làm thêm ban ngày và ban đêm, truy thu tiền lương ngày nghỉ lễ tết, ngày nghỉ hàng tuần, truy thu tiền bảo hiểm xã hội.

4. Về án phí lao động sơ thẩm:

Ông Nguyễn Ngọc M được miễn án phí lao động sơ thẩm;

Công ty TC phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí lao động sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo đối với bản án: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ theo quy định tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện Bến Lức;
- CCTHADS huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Lưu HS-AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Miên

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Anh Thư – Đào Bá Lộc

Hồ Thị Miên

